Công ty Cổ phần Hàng hải Hà nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý 3/2007

I. Bảng cân đối kế toán

STT	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
I	**Tài sản ngắn hạn**	**99.076.933.175**	**97.252.481.553**
1	Tiền & các khoản tương đương tiền	18.332.423.623	25.205.573.412
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4.000.000.000	-
3	Các khoản phải thu	52.668.415.881	52.838.090.264
4	Hàng tồn kho	17.562.477.267	16.516.948.386
5	Tài sản ngắn hạn khác	6.513.616.404	2.691.869.491
II	**Tài sản dài hạn**	**185.939.774.285**	**97.028.221.243**
1	Các khoản phải thu dài hạn	7.633.091.542	-
2	Tài sản cố định	135.963.700.154	56.630.008.819
	- Tài sản cố định hữu hình	113.096.086.011	*36.256.858.344*
	- Tài sản cố định vô hình		-
	- Tài sản cố định thuê tài chính	15.271.677.034	*11.268.722.954*
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.595.937.109	9.104.427.521
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	41.873.382.314	38.473.382.314
5	Tài sản dài hạn khác	469.600.275	1.924.830.110
III	**Tổng tài sản**	**285.016.707.460**	**194.280.702.796**
IV	**Nợ phải trả**	**147.104.690.060**	**88.373.609.950**
1	Nợ ngắn hạn	44.384.173.040	49.174.554.680
2	Nợ dài hạn	102.720.517.020	39.199.055.270
V	**Nguồn vốn chủ sở hữu**	**137.912.017.400**	**105.907.092.846**
1	Vốn chủ sở hữu	135.779.653.288	104.267.830.434
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	93.878.960.000	67.056.400.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	-	-
	- Cổ phiếu quỹ	(1.200.000)	-
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.786.080	
	- Các quỹ	8.298.400.805	*21.450.268.805*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	33.591.706.403	15.761.161.629
2	**Nguồn kinh phí & quỹ khác**	**2.132.364.112**	**1.639.262.412**
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.132.364.112	1.639.262.412
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thánh TSCĐ	-	-
VI	**Tổng nguồn vốn**	**285.016.707.460**	**194.280.702.796**

II - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.402.585.827	178.935.207.789
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.402.585.827	178.935.207.789
4	Giá vốn hàng bán	42.788.890.422	154.998.508.990
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.613.695.405	23.936.698.799
6	Doanh thu hoạt động tài chính	24.036.642.439	26.294.583.272
7	Chi phí tài chính	969.792.158	1.961.463.831
8	Chi phí bán hàng	122.312.679	410.395.536
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.346.709.323	10.131.796.782
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	28.211.523.684	37.727.625.922
11	Thu nhập khác	294.120.115	525.602.135
12	Chi phí khác	41.830.299	41.830.299
13	Lợi nhuận khác	252.289.816	483.771.836
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.463.813.500	38.211.397.758
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.825.200.799	4.862.876.428
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.638.612.701	33.348.521.330
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.731	3.552
19	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	-	-

Hà n ội, ngày 20 tháng 10 năm 2007

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TR ƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ	*HO ÀNG DUY ANH*	*NGUY ỄN QUỐC DŨNG*